**1. Thủ tục Cấp giấy phép bán lẻ rượu**

**Mã thủ tục:** 2.000620.000.00.00.H26

**Số quyết định:** 2804

**Cấp thực hiện:** Cấp Xã

**Loại thủ tục:** TTHC không được luật giao cho địa phương quy định hoặc quy định chi tiết

**Lĩnh vực:** Lưu thông hàng hóa trong nước

**Trình tự thực hiện:**

Thương nhân bán lẻ rượu nộp 01 bộ hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép bán lẻ rượu trực tiếp hoặc qua đường bưu điện hoặc trực tuyến (nếu đủ điều kiện áp dụng) cho Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính của xã.  
  
Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính của xã xem xét, thẩm định và cấp giấy phép. Trường hợp từ chối cấp phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do;  
  
Trường hợp chưa đủ hồ sơ hợp lệ, trong vòng 03 ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ, Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính của xã có văn bản yêu cầu bổ sung.

**Cách thức thực hiện:**

| Hình thức nộp | Thời hạn giải quyết | Phí, lệ phí | Mô tả |
| --- | --- | --- | --- |
| Trực tiếp | 10 Ngày làm việc | Phí : Theo Thông tư số 168/2016/TT-BTC ngày 26/10/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính | kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ |
| Trực tuyến | 10 Ngày làm việc | Phí : Theo Thông tư số 168/2016/TT-BTC ngày 26/10/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính | kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ |
| Dịch vụ bưu chính | 10 Ngày làm việc | Phí : Theo Thông tư số 168/2016/TT-BTC ngày 26/10/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính | kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ |

**Thành phần hồ sơ:**

| Tên giấy tờ | Mẫu đơn, tờ khai | Số lượng |
| --- | --- | --- |
| (1) Đơn đề nghị cấp Giấy phép bán lẻ rượu theo Mẫu số 01 ban hành kèm theo Nghị định số 17/2020/NĐ-CP. | MẪU SỐ 01 RƯỢU.docx | Bản chính: 1  Bản sao: 0 |
| (2) Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã hoặc hộ kinh doanh. |  | Bản chính: 0  Bản sao: 1 |
| (3) Bản sao hợp đồng thuê/mượn hoặc tài liệu chứng minh quyền sử dụng hợp pháp cơ sở dự kiến làm địa điểm bán lẻ. |  | Bản chính: 0  Bản sao: 1 |
| (4) Bản sao văn bản giới thiệu hoặc hợp đồng nguyên tắc của thương nhân sản xuất rượu, thương nhân phân phối rượu hoặc thương nhân bán buôn rượu. |  | Bản chính: 0  Bản sao: 1 |

**Đối tượng thực hiện:** Doanh nghiệp

**Cơ quan thực hiện:** Ủy ban nhân dân cấp xã

**Cơ quan có thẩm quyền:** Ủy ban nhân dân cấp xã

**Địa chỉ tiếp nhận HS:** Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả giải quyết TTHC của UBND cấp xã

**Cơ quan được ủy quyền:** Không có thông tin

**Cơ quan phối hợp:** Không có thông tin

**Kết quả thực hiện:** Giấy phép bán lẻ rượu

**Căn cứ pháp lý:**

| Số ký hiệu | Trích yếu | Ngày ban hành | Cơ quan  ban hành |
| --- | --- | --- | --- |
| Nghị định 105/2017/NĐ-CP | Về kinh doanh rượu | 14-09-2017 | Chính phủ |
| 17/2020/NĐ-CP | Nghị định 17/2020/NĐ-CP | 05-02-2020 |  |
| 24/2020/NĐ-CP | Nghị định 24/2020/NĐ-CP | 24-02-2020 |  |

**Yêu cầu, điều kiện thực hiện:**

a) Là doanh nghiệp, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã hoặc hộ kinh doanh được thành lập theo quy định của pháp luật b) Có quyền sử dụng hợp pháp địa điểm kinh doanh cố định, địa chỉ rõ ràng. c) Có văn bản giới thiệu hoặc hợp đồng nguyên tắc của thương nhân sản xuất rượu, thương nhân phân phối rượu hoặc thương nhân bán buôn rượu.

**Từ khóa:** Không có thông tin

**Mô tả:** Không có thông tin

**Mẫu số 01**

|  |  |
| --- | --- |
| **TÊN THƯƠNG NHÂN -------** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc  ---------------** |
| Số: …../….. | *….., ngày ….. tháng ….. năm ……* |

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP**

…………………..(1)……………………

Kính gửi: …………………….(2)………………………

Tên thương nhân: ………………………………………………………………………………………….

Địa chỉ trụ sở chính:……………………………….. Điện thoại:………………. Fax: ……………….

Địa điểm sản xuất/kinh doanh: …………………………………………………………………………..

Điện thoại:………………………………………….. Fax: ………………………………………………..

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (hoặc giấy tờ có giá trị pháp lý tương đương)/Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã/Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh số…………………………. do………………………. cấp ngày……. tháng……. năm……….

Đề nghị …………(2)………… xem xét cấp Giấy phép ……………(1)…………., cụ thể là:

(Tùy thuộc vào từng loại hình kinh doanh rượu, thương nhân thực hiện theo một trong các đề nghị dưới đây):

**Được phép sản xuất rượu như sau:**

Sản xuất các loại rượu: ……………………(3)…………………………………………………………………..

Quy mô sản xuất sản phẩm rượu: …………………….(4)………………………………………………………………….

**Được phép tổ chức phân phối rượu như sau:**

Được phép mua các loại rượu của thương nhân sản xuất rượu, thương nhân phân phối rượu, nhà cung cấp rượu nước ngoài sau: ……………………….(5)………………………………………………………………...

Được phép tổ chức hệ thống phân phối rượu tại các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương sau:………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………...

Được phép bán lẻ rượu, tại các địa điểm sau: …………………………………………………………………………………………..

**Được phép tổ chức bán buôn rượu như sau:**

Được phép mua các loại rượu của thương nhân sản xuất rượu, thương nhân phân phối rượu, thương nhân bán buôn rượu sau:

…………………………………………….(5)…………………………………………………………………………………………………………………………………………

Được phép tổ chức hệ thống bán buôn rượu tại tỉnh, thành phố: ……………………………………………………………………………………………

…………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………

Được phép bán lẻ rượu tại các địa điểm: ……………………………………………………………………………………………

**Được phép tổ chức bán lẻ rượu như sau:**

Được phép mua các loại rượu của thương nhân sản xuất rượu, thương nhân phân phối rượu, thương nhân bán buôn rượu sau:

……………………………………………..(5)…………………………………………………………………………………………………………………………………………

……………………………………………………………………………………………

Được phép bán lẻ rượu tại các địa điểm: ……………………………………………………………………………………………

……………(6)…………………….. xin cam đoan thực hiện đúng các quy định tại Nghị định số [105/2017/NĐ-CP](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/thuong-mai/nghi-dinh-105-2017-nd-cp-san-xuat-kinh-doanh-ruou-319361.aspx) ngày 14 tháng 9 năm 2017 của Chính phủ về kinh doanh rượu, Nghị định số ..../2020/NĐ-CP ngày...tháng.... năm 2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung các Nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Công Thương và những quy định của pháp luật có liên quan. Nếu sai, xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật./.

|  |  |
| --- | --- |
|  | **NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT** *(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu(nếu có))* |

***Chú thích:***

(1): Loại giấy phép: Sản xuất rượu công nghiệp/sản xuất rượu thủ công nhằm mục đích kinh doanh/phân phối rượu/bán buôn rượu/bán lẻ rượu

(2): Cơ quan cấp phép: Bộ Công Thương/Sở Công Thương/Phòng Kinh tế hoặc Phòng Kinh tế và Hạ tầng.

(3): Ghi cụ thể từng loại sản phẩm rượu như: Rượu vang, rượu vodka, rượu trái cây...

(4): Ghi công suất thiết kế; đối với sản xuất rượu thủ công thì ghi sản lượng dự kiến sản xuất (lít/năm).

(5): Ghi rõ tên, địa chỉ.

(6): Tên thương nhân xin cấp giấy phép

**2. Thủ tục cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép bán lẻ rượu**

**Mã thủ tục:** 2.000629.000.00.00.H26

**Số quyết định:** 2804

**Tên thủ tục:** Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép sản xuất rượu thủ công nhằm mục đích kinh doanh

**Cấp thực hiện:** Cấp Xã

**Loại thủ tục:** TTHC không được luật giao cho địa phương quy định hoặc quy định chi tiết

**Lĩnh vực:** Lưu thông hàng hóa trong nước

**Trình tự thực hiện:**

Trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, cơ quan có thẩm quyền xem xét và cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép sản xuất rượu thủ công nhằm mục đích kinh doanh.Trường hợp từ chối cấp phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.  
  
Trường hợp chưa đủ hồ sơ hợp lệ, trong vòng 03 ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ, UBND cấp xã có văn bản yêu cầu bổ sung.  
  
Tổ chức, cá nhân sản xuất rượu thủ công nhằm mục đích kinh doanh nộp 01 bộ hồ sơ đề nghị cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép sản xuất rượu thủ công nhằm mục đích kinh doanh cho Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính UBND cấp xã

**Cách thức thực hiện:**

| Hình thức nộp | Thời hạn giải quyết | Phí, lệ phí | Mô tả |
| --- | --- | --- | --- |
| Trực tiếp | 7 Ngày làm việc | Phí : Theo Thông tư số 299/2016/TT-BTC ngày 15/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính; Thông tư số 22/2018/TT-BTC ngày 22/02/2018 của Bộ trưởng Bộ Tài chính | kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ |
| Trực tuyến | 7 Ngày làm việc | Phí : Theo Thông tư số 299/2016/TT-BTC ngày 15/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính; Thông tư số 22/2018/TT-BTC ngày 22/02/2018 của Bộ trưởng Bộ Tài chính | kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ |
| Dịch vụ bưu chính | 7 Ngày làm việc | Phí : Theo Thông tư số 299/2016/TT-BTC ngày 15/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính; Thông tư số 22/2018/TT-BTC ngày 22/02/2018 của Bộ trưởng Bộ Tài chính | kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ |

**Thành phần hồ sơ:**

| Tên giấy tờ | Mẫu đơn, tờ khai | Số lượng |
| --- | --- | --- |
| - Đơn đề nghị cấp sửa đổi, bổ sung theo Mẫu số 02 ban hành kèm theo Nghị định số 17/2020/NĐ-CP; | MẪU SỐ 02 RƯỢU.docx | Bản chính: 1  Bản sao: 0 |
| - Bản sao giấy phép đã được cấp; |  | Bản chính: 0  Bản sao: 1 |
| - Các tài liệu chứng minh nhu cầu sửa đổi, bổ sung. |  | Bản chính: 1  Bản sao: 1 |

**Đối tượng thực hiện:** Doanh nghiệp

**Cơ quan thực hiện:** Ủy ban nhân dân cấp xã

**Cơ quan có thẩm quyền:** Ủy ban nhân dân cấp xã

**Địa chỉ tiếp nhận HS:** Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả giải quyết TTHC của UBND cấp xã

**Cơ quan được ủy quyền:** Không có thông tin

**Cơ quan phối hợp:** Không có thông tin

**Kết quả thực hiện:** Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép sản xuất rượu thủ công nhằm mục đích kinh doanh

**Căn cứ pháp lý:**

| Số ký hiệu | Trích yếu | Ngày ban hành | Cơ quan ban hành |
| --- | --- | --- | --- |
| Nghị định 105/2017/NĐ-CP | Về kinh doanh rượu | 14-09-2017 | Chính phủ |
| 17/2020/NĐ-CP | Nghị định 17/2020/NĐ-CP | 05-02-2020 |  |
| 24/2020/NĐ-CP | Nghị định 24/2020/NĐ-CP | 24-02-2020 |  |

**Yêu cầu, điều kiện thực hiện:**

- Doanh nghiệp, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã hoặc hộ kinh doanh được thành lập theo quy định của pháp luật. - Bảo đảm điều kiện về an toàn thực phẩm theo quy định của pháp luật.

**Từ khóa:** Không có thông tin

**Mô tả:** Không có thông tin

**Mẫu số 02**

|  |  |
| --- | --- |
| **TÊN THƯƠNG NHÂN -------** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc  ---------------** |
| Số:     / | *….., ngày ….. tháng ….. năm ……* |

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ**

**Cấp sửa đổi, bổ sung giấy phép ... (1)...**

Kính gửi: …………(2)……………

Tên thương nhân: ………………………………………………………………………………………….

Địa chỉ trụ sở chính:…………………………….. Điện thoại:………………… Fax: …………………..

Địa điểm sản xuất/kinh doanh: ……………………………………………………………………………

Điện thoại: ……………………………………………..Fax: ……………………………………………..

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (hoặc giấy tờ có giá trị pháp lý tương đương)/Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã/Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh số………………………do…………………… cấp ngày …………………….tháng…… năm……….;

Giấy phép …..(1)…… đã được cấp số......... do…… cấp ngày ... tháng ... năm ...

Giấy phép ……….(1)………. đã được cấp sửa đổi, bổ sung/cấp lại (nếu có) số ........do…….. cấp ngày………. tháng……… năm ………..

………(3)……… đề nghị ……..(2)….....xem xét cấp sửa đổi (hoặc bổ sung) Giấy phép…....(1)……, với lý do cụ thể như sau:

1. Sửa đổi:

Thông tin cũ: ……………………………………………………………………………………………….

Thông tin mới: ……………….(4) ..………………………………………………………………………..

2. Bổ sung: …………………(4)………………………………………

………(3)……….. xin cam đoan lý do trên hoàn toàn xác thực và thực hiện đúng các quy định tại Nghị định số [105/2017/NĐ-CP](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/thuong-mai/nghi-dinh-105-2017-nd-cp-san-xuat-kinh-doanh-ruou-319361.aspx) ngày 14 tháng 9 năm 2017 của Chính phủ về kinh doanh rượu, Nghị định số ..../2020/NĐ-CP ngày...tháng.... năm 2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Công Thương và những quy định của pháp luật có liên quan. Nếu sai, xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật./.

|  |  |
| --- | --- |
|  | **NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT** *(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu(nếu có))* |

***Chú thích:***

(1): Loại giấy phép: Sản xuất rượu công nghiệp/sản xuất rượu thủ công nhằm mục đích kinh doanh/phân phối rượu/bán buôn rượu/bán lẻ rượu.

(2): Cơ quan cấp phép: Bộ Công Thương/Sở Công Thương/Phòng Kinh tế hoặc Phòng Kinh tế và Hạ tầng.

(3): Tên thương nhân xin cấp giấy phép.

(4): Nội dung sửa đổi, bổ sung.

**3. Thủ tục Cấp lại Giấy phép bán lẻ rượu**

**Mã thủ tục:** 2.001240.000.00.00.H26

**Số quyết định:** 2804

**Tên thủ tục:** Cấp lại Giấy phép bán lẻ rượu

**Cấp thực hiện:** Cấp Xã

**Loại thủ tục:** TTHC không được luật giao cho địa phương quy định hoặc quy định chi tiết

**Lĩnh vực:** Lưu thông hàng hóa trong nước

**Trình tự thực hiện:**

Trường hợp cấp lại do hết thời hạn hiệu lực: Thương nhân phải nộp hồ sơ đề nghị cấp lại giấy phép trước thời hạn hết hiệu lực của giấy phép 30 ngày. Hồ sơ, thẩm quyền, thủ tục cấp lại áp dụng như quy định đối với trường hợp cấp mới.  
  
Trường hợp cấp lại giấy phép do bị mất hoặc bị hỏng: + Thương nhân bán lẻ rượu nộp 01 bộ hồ sơ đề nghị cấp lại Giấy phép bán lẻ rượu trực tiếp hoặc qua đường bưu điện hoặc trực tuyến (nếu đủ điều kiện áp dụng) cho Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính cấp xã. + Trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính cấp xã xem xét và cấp lại giấy phép theo Mẫu số 07 ban hành kèm theo Nghị định số 105/2017/NĐ-CP. Trường hợp từ chối cấp phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do. + Trường hợp chưa đủ hồ sơ hợp lệ, trong vòng 03 ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ, Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính cấp xã phải có văn bản yêu cầu bổ sung.

**Cách thức thực hiện:**

| Hình thức nộp | Thời hạn giải quyết | Phí, lệ phí | Mô tả |
| --- | --- | --- | --- |
| Trực tiếp | 07 Ngày làm việc | Phí : Theo Thông tư số 168/2016/TT-BTC ngày 26/10/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính Phí : Theo Thông tư số 168/2016/TT-BTC ngày 26/10/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính | kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ (cấp lại do hết hạn hiệu lực giấy phép cũ) |
| Trực tiếp | 07 Ngày làm việc | Phí : Theo Thông tư số 168/2016/TT-BTC ngày 26/10/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính Phí : Theo Thông tư số 168/2016/TT-BTC ngày 26/10/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính | kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ (cấp lại do mất hoặc hỏng) |
| Trực tuyến | 07 Ngày làm việc | Phí : Theo Thông tư số 168/2016/TT-BTC ngày 26/10/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính Phí : Theo Thông tư số 168/2016/TT-BTC ngày 26/10/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính | kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ (cấp lại do hết hạn hiệu lực giấy phép cũ) |
| Trực tuyến | 07 Ngày làm việc | Phí : Theo Thông tư số 168/2016/TT-BTC ngày 26/10/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính Phí : Theo Thông tư số 168/2016/TT-BTC ngày 26/10/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính | kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ (cấp lại do mất hoặc hỏng) |
| Dịch vụ bưu chính | 07 Ngày làm việc | Phí : Theo Thông tư số 168/2016/TT-BTC ngày 26/10/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính Phí : Theo Thông tư số 168/2016/TT-BTC ngày 26/10/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính | kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ (cấp lại do hết hạn hiệu lực giấy phép cũ) |
| Dịch vụ bưu chính | 07 Ngày làm việc | Phí : Theo Thông tư số 168/2016/TT-BTC ngày 26/10/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính Phí : Theo Thông tư số 168/2016/TT-BTC ngày 26/10/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính | kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ (cấp lại do mất hoặc hỏng) |

**Thành phần hồ sơ:**

| Tên giấy tờ | Mẫu đơn, tờ khai | Số lượng |
| --- | --- | --- |
| Hồ sơ cấp lại đối với trường hợp này được thực hiện như quy định đối với trường hợp cấp mới; |  | Bản chính: 1  Bản sao: 1 |
| (1) Đơn đề nghị cấp sửa đổi Giấy phép bán lẻ rượu theo Mẫu số 03 ban hành kèm theo Nghị định số 17/2020/NĐ-CP; | MẪU SỐ 03 RƯỢU.docx | Bản chính: 1  Bản sao: 0 |
| (2) Bản gốc hoặc bản sao Giấy phép đã được cấp (nếu có); |  | Bản chính: 1  Bản sao: 1 |

**Đối tượng thực hiện:** Doanh nghiệp

**Cơ quan thực hiện:** Ủy ban nhân dân cấp xã

**Cơ quan có thẩm quyền:** Ủy ban nhân dân cấp xã

**Địa chỉ tiếp nhận HS:** Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả giải quyết TTHC của UBND cấp xã

**Cơ quan được ủy quyền:** Không có thông tin

**Cơ quan phối hợp:** Không có thông tin

**Kết quả thực hiện:** Giấy phép bán lẻ rượu (cấp lại do mất, hỏng)

**Căn cứ pháp lý:**

| Số ký hiệu | Trích yếu | Ngày ban hành | Cơ quan ban hành |
| --- | --- | --- | --- |
| Nghị định 105/2017/NĐ-CP | Về kinh doanh rượu | 14-09-2017 | Chính phủ |
| 17/2020/NĐ-CP | Nghị định 17/2020/NĐ-CP | 05-02-2020 |  |
| 24/2020/NĐ-CP | Nghị định 24/2020/NĐ-CP | 24-02-2020 |  |

**Yêu cầu, điều kiện thực hiện:**

a) Là doanh nghiệp, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã hoặc hộ kinh doanh được thành lập theo quy định của pháp luật b) Có quyền sử dụng hợp pháp địa điểm kinh doanh cố định, địa chỉ rõ ràng. c) Có văn bản giới thiệu hoặc hợp đồng nguyên tắc của thương nhân sản xuất rượu, thương nhân phân phối rượu hoặc thương nhân bán buôn rượu.

**Từ khóa:** Lưu thông hàng hóa trong nước

**Mô tả:** Không có thông tin

**Mẫu số 03**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **TÊN THƯƠNG NHÂN -------** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc  ---------------** | |
| Số:       / | *….., ngày ….. tháng ….. năm ……* |

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ**

**Cấp lại giấy phép ……..(1)……….**

***(Trong trường hợp giấy phép bị mất, bị hỏng)***

Kính gửi: …………(2)……………

Tên thương nhân: …………………………………………………………………………………………

Địa chỉ trụ sở chính:…………………….……………. Điện thoại:……………. Fax: …………………

Địa điểm sản xuất/kinh doanh:…………………… Điện thoại:……………….. Fax: …………………

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (hoặc giấy tờ có giá trị pháp lý tương đương)/Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã/Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh số………… do……… cấp ngày... tháng... năm...;

Giấy phép ……..(1)……... đã được cấp số.... do ... cấp ngày ... tháng... năm ...

Giấy phép...(1)....đã được cấp sửa đổi, bổ sung/cấp lại (nếu có) số …………… do………. cấp ngày…… tháng……. năm …………….

…………(3)………… đề nghị ……….(2)……….... xem xét cấp lại Giấy phép …….(1) ………, với lý do cụ thể như sau: …………….(4)..

………(3)…………..xin cam đoan lý do trình bày trên hoàn toàn xác thực và thực hiện đúng các quy định tại Nghị định số [105/2017/NĐ-CP](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/thuong-mai/nghi-dinh-105-2017-nd-cp-san-xuat-kinh-doanh-ruou-319361.aspx) ngày 14 tháng 9 năm 2017 của Chính phủ về kinh doanh rượu, Nghị định số ..../2020/NĐ-CP ngày ... tháng .... năm 2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Công Thương và những quy định của pháp luật có liên quan. Nếu sai, xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật./.

|  |  |
| --- | --- |
|  | **NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT** *(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu(nếu có))* |

***Chú thích:***

(1): Loại giấy phép: Sản xuất rượu công nghiệp/sản xuất rượu thủ công nhằm mục đích kinh doanh/phân phối rượu/bán buôn rượu/bán lẻ rượu.

(2): Cơ quan cấp phép: Bộ Công Thương/Sở Công Thương/Phòng Kinh tế hoặc Phòng Kinh tế và Hạ tầng.

(3): Tên thương nhân xin cấp giấy phép.

(4): Lý do xin cấp lại.

**4. Thủ tục Cấp giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá**

**Mã thủ tục:** 2.000181.000.00.00.H26

**Số quyết định:** 2804

**Tên thủ tục:** Cấp Giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá

**Cấp thực hiện:** Cấp Xã

**Loại thủ tục:** TTHC không được luật giao cho địa phương quy định hoặc quy định chi tiết

**Lĩnh vực:** Lưu thông hàng hóa trong nước

**Trình tự thực hiện:**

Thương nhân bán lẻ sản phẩm thuốc lá gửi 01 bộ hồ sơ về Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính UBND cấp xã  
Trong thời hạn 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, UBND cấp xã xem xét và cấp giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá. Trường hợp thương nhân không đáp ứng được điều kiện theo quy định, UBND cấp xã sẽ có văn bản trả lời từ chối cấp phép và nêu rõ lý do  
Trường hợp chưa đủ hồ sơ hợp lệ, trong vòng 07 ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ của thương nhân, UBND cấp xã có văn bản yêu cầu thương nhân bổ sung hồ sơ

**Cách thức thực hiện:**

| Hình thức nộp | Thời hạn giải quyết | Phí, lệ phí | Mô tả |
| --- | --- | --- | --- |
| Trực tiếp | 15 Ngày làm việc | Phí : Theo Thông tư số 168/2016/TT-BTC ngày 26/10/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính Phí : 1.200.000đ/Điểm kinh doanh/Lần thẩm định Đồng (Doanh nghiệp nộp phí và phí thẩm định trước khi nhận kết quả) | kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ |
| Trực tiếp | ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ và hợp lệ theo quy định | Phí : Theo Thông tư số 168/2016/TT-BTC ngày 26/10/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính Phí : 1.200.000đ/Điểm kinh doanh/Lần thẩm định Đồng (Doanh nghiệp nộp phí và phí thẩm định trước khi nhận kết quả) | Nộp hồ sơ trực tiếp tại Bộ phận Một cửa thuộc Ban Quản lý các khu công nghiệp và chế xuất Hà Nội |
| Trực tuyến | 15 Ngày làm việc | Phí : Theo Thông tư số 168/2016/TT-BTC ngày 26/10/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính Phí : 1.200.000đ/Điểm kinh doanh/Lần thẩm định Đồng (Doanh nghiệp nộp phí và phí thẩm định trước khi nhận kết quả) | kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ |
| Trực tuyến | ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ và hợp lệ theo quy định | Phí : Theo Thông tư số 168/2016/TT-BTC ngày 26/10/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính Phí : 1.200.000đ/Điểm kinh doanh/Lần thẩm định Đồng (Doanh nghiệp nộp phí và phí thẩm định trước khi nhận kết quả) | Trực tuyến tại Cổng Dịch vụ công |
| Dịch vụ bưu chính | 15 Ngày làm việc | Phí : Theo Thông tư số 168/2016/TT-BTC ngày 26/10/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính Phí : 1.200.000đ/Điểm kinh doanh/Lần thẩm định Đồng (Doanh nghiệp nộp phí và phí thẩm định trước khi nhận kết quả) | kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ |
| Dịch vụ bưu chính | ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ và hợp lệ theo quy định | Phí : Theo Thông tư số 168/2016/TT-BTC ngày 26/10/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính Phí : 1.200.000đ/Điểm kinh doanh/Lần thẩm định Đồng (Doanh nghiệp nộp phí và phí thẩm định trước khi nhận kết quả) | Nộp hồ sơ qua hệ thống bưu chính đến Bộ phận Một cửa thuộc Ban Quản lý các khu công nghiệp và chế xuất Hà Nội |

**Thành phần hồ sơ:**

| Tên giấy tờ | Mẫu đơn, tờ khai | Số lượng |
| --- | --- | --- |
| + Đơn đề nghị cấp Giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá. | Phụ lục 23.docx | Bản chính: 1  Bản sao: 0 |
| + Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và Giấy chứng nhận mã số thuế; |  | Bản chính: 0  Bản sao: 1 |
| + Bản sao các văn bản giới thiệu của các thương nhân phân phối hoặc thương nhân bán buôn sản phẩm thuốc lá ghi rõ địa bàn dự kiến kinh doanh |  | Bản chính: 0  Bản sao: 1 |
| - Số lượng hồ sơ: 02 bộ, trong đó 01 bộ gửi cơ quan có thẩm quyền cấp phép, 01 bộ lưu tại doanh nghiệp hoặc hộ kinh doanh. |  | Bản chính: 1  Bản sao: 1 |

**Đối tượng thực hiện:** Doanh nghiệp

**Cơ quan thực hiện:** Ủy ban nhân dân cấp xã

**Cơ quan có thẩm quyền:** Ủy ban nhân dân cấp xã

**Địa chỉ tiếp nhận HS:** Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả giải quyết TTHC của UBND cấp xã

**Cơ quan được ủy quyền:** Không có thông tin

**Cơ quan phối hợp:** Không có thông tin

**Kết quả thực hiện:** Cấp Giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá

**Căn cứ pháp lý**:

| Số ký hiệu | Trích yếu | Ngày ban hành | Cơ quan ban hành |
| --- | --- | --- | --- |
| 09/2012/QH13 | Luật 09/2012/QH13 | 18-06-2012 | Quốc Hội |
| 67/2013/NĐ-CP | Quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Phòng, chống tác hại của thuốc lá về kinh doanh thuốc lá | 27-06-2013 | Chính phủ |
| 21/2013/TT-BCT | Quy định chi tiết một số điều của Nghị định số 67/2013/NĐ-CP ngày 27 tháng 6 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Phòng, chống tác hại của thuốc lá về kinh doanh thuốc lá | 25-09-2013 | Bộ Công thương |
| 08/2018/NĐ-CP | Sửa đổi một số Nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Công Thương | 15-01-2018 | Chính phủ |
| 106/2017/NĐ-CP | sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 67/2013/NĐ-CP ngày 27 tháng 6 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Phòng, chống tác hại của thuốc lá về kinh doanh thuốc lá | 14-09-2017 | Chính phủ |
| 57/2018/TT-BCT | Thông tư 57/2018/TT-BCT | 28-12-2018 | Bộ Công thương |
| 28/2019/TT-BCT | Thông tư 28/2019/TT-BCT | 15-11-2019 |  |
| 17/2020/NĐ-CP | Nghị định 17/2020/NĐ-CP | 05-02-2020 |  |

**Yêu cầu, điều kiện thực hiện:**

a) Thương nhân được thành lập theo quy định của pháp luật; b) Địa điểm kinh doanh không vi phạm quy định về địa điểm không được bán thuốc lá theo quy định tại Khoản 2 Điều 25 (Bán thuốc lá) Luật Phòng, chống tác hại của thuốc lá năm 2012 ; c) Có văn bản giới thiệu của các thương nhân phân phối hoặc thương nhân bán buôn sản phẩm thuốc lá ghi rõ địa bàn dự kiến kinh doanh;

**Từ khóa:** Không có thông tin

**Mô tả:** Không có thông tin

**Phụ lục 23**

*(Ban hành kèm theo Thông tư số Thông tư số*[*57/2018/TT-BCT*](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/doanh-nghiep/thong-tu-21-2013-tt-bct-huong-dan-luat-phong-chong-tac-hai-thuoc-la-kinh-doanh-thuoc-la-209400.aspx)*ngày 26 tháng 12 năm 2018 của Bộ Công Thương)*

|  |  |
| --- | --- |
| **TÊN THƯƠNG NHÂN -------** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc ---------------** |
| Số:    /... | *............., ngày...... tháng....... năm............* |

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ** **CẤP GIẤY PHÉP BÁN LẺ SẢN PHẨM THUỐC LÁ**

Kính gửi: ……………....................... (1)

1. Tên thương nhân: ................................................................................................

2. Địa chỉ trụ sở chính: ...........................................................................................;

3. Điện thoại: ........................................................... Fax:.......................................;

4. Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (hoặc Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp) số............ do............................. cấp đăng ký lần đầu ngày........ tháng......... năm......., đăng ký thay đổi lần thứ ..... ngày ..........tháng......... năm.......;

5. Chi nhánh, văn phòng đại diện hoặc địa điểm kinh doanh (nếu có):

- Tên: ...................................;

- Địa chỉ: ...........................;

- Điện thoại: ......................... Fax: .........................;

Đề nghị …………............. (1) xem xét cấp Giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá, cụ thể như sau:

6. Được phép mua sản phẩm thuốc lá của các thương nhân bán buôn sản phẩm thuốc lá có tên sau:

....................................................................... (2)

7. Được phép tổ chức bán lẻ sản phẩm thuốc lá tại các địa điểm: ....................... (3) ...... (ghi rõ tên thương nhân)....... xin cam đoan thực hiện đúng các quy định tại Nghị định số [67/2013/NĐ-CP](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/thuong-mai/nghi-dinh-67-2013-nd-cp-huong-dan-kinh-doanh-thuoc-la-196542.aspx) ngày 27 tháng 6 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Phòng, chống tác hại của thuốc lá về kinh doanh thuốc lá, Thông tư số Thông tư số [57/2018/TT-BCT](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/doanh-nghiep/thong-tu-21-2013-tt-bct-huong-dan-luat-phong-chong-tac-hai-thuoc-la-kinh-doanh-thuoc-la-209400.aspx) ngày 26 tháng 12 năm 2018 của Bộ Công Thương quy định chi tiết một số điều của Nghị định số [67/2013/NĐ-CP](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/thuong-mai/nghi-dinh-67-2013-nd-cp-huong-dan-kinh-doanh-thuoc-la-196542.aspx) ngày 27 tháng 6 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Phòng, chống tác hại của thuốc lá về kinh doanh thuốc lá và những quy định của pháp luật liên quan. Nếu sai xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật./.

|  |  |
| --- | --- |
|  | **Người đại diện theo pháp luật của thương nhân** *(họ và tên, ký tên, đóng dấu)* |

*Chú thích:*

(1): Ghi rõ tên cấp huyện nơi thương nhân dự kiến xin phép để kinh doanh.

(2): Ghi rõ tên, địa chỉ của các thương nhân bán buôn sản phẩm thuốc lá.

(3): Ghi rõ tên, địa chỉ, điện thoại các địa điểm thương nhân dự kiến xin phép để bán lẻ sản phẩm thuốc lá.

**5. Thủ tục Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá**

**Mã thủ tục:** 2.000162.000.00.00.H26

**Số quyết định:** 2804

**Tên thủ tục:** Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá

**Cấp thực hiện:** Cấp Xã

**Loại thủ tục:** TTHC không được luật giao cho địa phương quy định hoặc quy định chi tiết

**Lĩnh vực:** Lưu thông hàng hóa trong nước

**Trình tự thực hiện:**

Thương nhân bán lẻ sản phẩm thuốc lá gửi 01 bộ hồ sơ về Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính UBND cấp xã.  
  
Trong thời hạn 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, UBND cấp xã xem xét và cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá.  
  
Trường hợp thương nhân không đáp ứng được điều kiện theo quy định, UBND cấp xã sẽ có văn bản trả lời từ chối cấp phép và nêu rõ lý do

**Cách thức thực hiện:**

| Hình thức nộp | Thời hạn giải quyết | Phí, lệ phí | Mô tả |
| --- | --- | --- | --- |
| Trực tiếp | 15 Ngày làm việc | Phí : 1.200.000đ/Điểm kinh doanh/Lần thẩm định Đồng (Doanh nghiệp nộp phí và phí thẩm định trước khi nhận kết quả) Phí : Theo Thông tư số 168/2016/TT-BTC ngày 26/10/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính | kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ |
| Trực tiếp | ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ và hợp lệ theo quy định | Phí : 1.200.000đ/Điểm kinh doanh/Lần thẩm định Đồng (Doanh nghiệp nộp phí và phí thẩm định trước khi nhận kết quả) Phí : Theo Thông tư số 168/2016/TT-BTC ngày 26/10/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính | Nộp hồ sơ trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính UBND cấp xã |
| Trực tuyến | 15 Ngày làm việc | Phí : Theo Thông tư số 168/2016/TT-BTC ngày 26/10/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính Phí : 1.200.000đ/Điểm kinh doanh/Lần thẩm định Đồng (Doanh nghiệp nộp phí và phí thẩm định trước khi nhận kết quả) | kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ |
| Trực tuyến | ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ và hợp lệ theo quy định | Phí : Theo Thông tư số 168/2016/TT-BTC ngày 26/10/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính Phí : 1.200.000đ/Điểm kinh doanh/Lần thẩm định Đồng (Doanh nghiệp nộp phí và phí thẩm định trước khi nhận kết quả) | Trực tuyến tại Cổng Dịch vụ công |
| Dịch vụ bưu chính | 15 Ngày làm việc | Phí : Theo Thông tư số 168/2016/TT-BTC ngày 26/10/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính Phí : 1.200.000đ/Điểm kinh doanh/Lần thẩm định Đồng (Doanh nghiệp nộp phí và phí thẩm định trước khi nhận kết quả) | kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ |
| Dịch vụ bưu chính | ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ và hợp lệ theo quy định | Phí : Theo Thông tư số 168/2016/TT-BTC ngày 26/10/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính Phí : 1.200.000đ/Điểm kinh doanh/Lần thẩm định Đồng (Doanh nghiệp nộp phí và phí thẩm định trước khi nhận kết quả) | Nộp hồ sơ qua hệ thống bưu chính đến Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính |

**Thành phần hồ sơ:**

| Tên giấy tờ | Mẫu đơn, tờ khai | Số lượng |
| --- | --- | --- |
| + Văn bản đề nghị cấp sửa đổi, bổ sung; | Phụ lục 46.docx | Bản chính: 1  Bản sao: 0 |
| + Giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá đã được cấp (Bản sao); |  | Bản chính: 0  Bản sao: 1 |
| + Các tài liệu chứng minh nhu cầu sửa đổi, bổ sung. |  | Bản chính: 1  Bản sao: 1 |

**Đối tượng thực hiện:** Doanh nghiệp

**Cơ quan thực hiện:** Ủy ban nhân dân cấp xã

**Cơ quan có thẩm quyền:** Ủy ban nhân dân cấp xã

**Địa chỉ tiếp nhận HS:** Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả giải quyết TTHC của UBND cấp xã

**Cơ quan được ủy quyền:** Không có thông tin

**Cơ quan phối hợp:** Không có thông tin

**Kết quả thực hiện:** Giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá (sửa đổi, bổ sung)

**Căn cứ pháp lý:**

| Số ký hiệu | Trích yếu | Ngày ban hành | Cơ quan ban hành |
| --- | --- | --- | --- |
| 09/2012/QH13 | Luật 09/2012/QH13 | 18-06-2012 | Quốc Hội |
| 67/2013/NĐ-CP | Quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Phòng, chống tác hại của thuốc lá về kinh doanh thuốc lá | 27-06-2013 | Chính phủ |
| 21/2013/TT-BCT | Quy định chi tiết một số điều của Nghị định số 67/2013/NĐ-CP ngày 27 tháng 6 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Phòng, chống tác hại của thuốc lá về kinh doanh thuốc lá | 25-09-2013 | Bộ Công thương |
| 08/2018/NĐ-CP | Sửa đổi một số Nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Công Thương | 15-01-2018 | Bộ Công thương |
| 106/2017/NĐ-CP | sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 67/2013/NĐ-CP ngày 27 tháng 6 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Phòng, chống tác hại của thuốc lá về kinh doanh thuốc lá | 14-09-2017 | Chính phủ |
| 57/2018/TT-BCT | Thông tư 57/2018/TT-BCT | 28-12-2018 | Bộ Công thương |
| 17/2020/NĐ-CP | Nghị định 17/2020/NĐ-CP | 05-02-2020 |  |
| 28/2019/TT-BCT | Thông tư 28/2019/TT-BCT | 15-11-2019 |  |

Yêu cầu, điều kiện thực hiện:

a) Thương nhân được thành lập theo quy định của pháp luật; b) Địa điểm kinh doanh không vi phạm quy định về địa điểm không được bán thuốc lá theo quy định tại Khoản 2 Điều 25 (Bán thuốc lá) Luật Phòng, chống tác hại của thuốc lá năm 2012 ; c) Có văn bản giới thiệu của các thương nhân phân phối hoặc thương nhân bán buôn sản phẩm thuốc lá ghi rõ địa bàn dự kiến kinh doanh;

Từ khóa:

Không có thông tin

Mô tả:

Không có thông tin

**Phụ lục 46**

*(Kèm theo Thông tư số 57/2018/TT-BCT ngày 26 tháng 12 năm 2018*

*của Bộ Công Thương)*

|  |  |
| --- | --- |
| **TÊN THƯƠNG NHÂN -------** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc  ---------------------------------------** |
| Số:       /... | *............., ngày...... tháng....... năm............* |

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP SỬA ĐỔI, BỔ SUNG**

**Giấy phép bán lẻ thuốc lá**

Kính gửi: Phòng Công Thương....(1)

1. Tên thương nhân : .......................:

2. Địa chỉ trụ sở chính: ......................;

3. Điện thoại:......................... Fax:...............;

4. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (hoặc Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh…) số............ do............................. cấp đăng ký lần đầu ngày........ tháng......... năm......., đăng ký thay đổi lần thứ ..... ngày ..........tháng......... năm.......;

5. Chi nhánh, văn phòng đại diện hoặc địa điểm kinh doanh (nếu có):

- Tên: ...................................;

- Địa chỉ: ...........................;

- Điện thoại:......................... Fax:...............;

6. Đã được Phòng Công Thương...(1) cấp Giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá số..........ngày..... tháng.....năm......

7. Đã được Phòng Công Thương...(1) cấp Giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá (sửa đổi, bổ sung lần thứ.......) số ....... ngày ..... tháng .....năm .....(nếu đã có)

.......(2)....

...*(ghi rõ tên thương nhân)...(3)* kính đề nghị Phòng Công Thương xem xét cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép phân phối sản phẩm thuốc lá, với lý do cụ thể như sau (*tùy thuộc vào nhu cầu sửa đổi, bổ sung để doanh nghiệp thực hiện theo một trong các đề nghị dưới đây):*

8. Sửa đổi thông tin chung (tên thương nhân, trụ sở chính, giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (hoặc Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh...), chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh,...)

Thông tin cũ:..................

Thông tin mới:.............

9. Sửa đổi, bổ sung về tổ chức bán lẻ sản phẩm thuốc lá, như sau:

- Được phép mua sản phẩm thuốc lá của thương nhân phân phối, thương nhân bán buôn sản phẩm thuốc lá có tên sau:

.......................................................................(4)

- Để tổ chức bán lẻ sản phẩm thuốc lá tại các địa điểm:

...........................................................................(5)

10. Sửa đổi, bổ sung các địa điểm tổ chức bán lẻ sản phẩm thuốc lá:

a) Đề nghị sửa đổi:

Thông tin cũ:...................

Thông tin mới:..........................................(5)

b) Đề nghị bổ sung:

..............................................................(6)

......(*ghi rõ tên thương nhân*)......... xin cam đoan thực hiện đúng các quy định tại Nghị định số [67/2013/NĐ-CP](http://thuvienphapluat.vn/phap-luat/tim-van-ban.aspx?keyword=67/2013/N%C4%90-CP&area=2&type=0&match=False&vc=True&lan=1) ngày 27 tháng 6 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Phòng, chống tác hại của thuốc lá về kinh doanh thuốc lá được sửa đổi, bổ sung một số điều tại Nghị định số 106/2017/NĐ-CP ngày 14 tháng 9 năm 2017 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 67/2013/NĐ-CP và Nghị định số 08/2018/NĐ-CP ngày 15 tháng 01 năm 2018 của Chính phủ sửa đổi một số Nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Công Thương, Thông tư số 57/2018/TT-BCT ngày 26 tháng 12 năm 2018 của Bộ Công Thương quy định chi tiết một số điều của các Nghị định liên quan đến kinh doanh thuốc lá và những quy định của pháp luật liên quan. Doanh nghiệp xin cam đoan những nội dung kê khai trên là đúng và xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật./.

|  |  |
| --- | --- |
|  | **Người đại diện theo pháp luật của thương nhân** (họ và tên, ký tên, đóng dấu) |

Chú thích:

(1) Phòng Công Thương hoặc đơn vị được cấp thẩm quyền giao (ví dụ: Phòng Kinh tế,…)

(2): Ghi rõ từng lần sửa đổi, bổ sung, số giấy phép, ngày cấp (nếu có).

(3): Tên Thương nhân.

(4): Ghi rõ tên, địa chỉ thương nhân phân phối, thương nhân bán buôn sản phẩm thuốc lá.

(5): Ghi rõ tên, địa chỉ, điện thoại các địa điểm thương nhân dự kiến xin phép để bán lẻ sản phẩm thuốc lá.

(6) Ghi rõ các nội dung khác cần sửa đổi, bổ sung.

**6. Thủ tục Cấp lại Giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá**

**Mã thủ tục:** 2.000150.000.00.00.H26

**Số quyết định:** 2804

**Tên thủ tục:** Cấp lại Giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá

**Cấp thực hiện:** Cấp Xã

**Loại thủ tục:** TTHC không được luật giao cho địa phương quy định hoặc quy định chi tiết

**Lĩnh vực:** Lưu thông hàng hóa trong nước

**Trình tự thực hiện:**

Thương nhân bán lẻ sản phẩm thuốc lá gửi 01 bộ hồ sơ về Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính UBND cấp xã  
  
UBND cấp xã kiểm tra và tiếp nhận hồ sơ của thương nhân  
  
UBND cấp xã tiến hành thẩm định hồ sơ và các điều kiện cần thiết để cấp phép hoặc từ chối cấp phép.

**Cách thức thực hiện:**

| Hình thức nộp | Thời hạn giải quyết | Phí, lệ phí | Mô tả |
| --- | --- | --- | --- |
| Trực tiếp | 15 Ngày làm việc | Phí : Theo Thông tư số 168/2016/TT-BTC ngày 26/10/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính Phí : 1.200.000đ/Điểm kinh doanh/Lần thẩm định Đồng (Doanh nghiệp nộp phí và phí thẩm định trước khi nhận kết quả) | kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ |
| Trực tiếp | ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ và hợp lệ theo quy định | Phí : Theo Thông tư số 168/2016/TT-BTC ngày 26/10/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính Phí : 1.200.000đ/Điểm kinh doanh/Lần thẩm định Đồng (Doanh nghiệp nộp phí và phí thẩm định trước khi nhận kết quả) | Nộp hồ sơ trực tiếp tại Bộ phận Một cửa thuộc Ban Quản lý các khu công nghiệp và chế xuất Hà Nội |
| Trực tuyến | 15 Ngày làm việc | Phí : Theo Thông tư số 168/2016/TT-BTC ngày 26/10/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính Phí : 1.200.000đ/Điểm kinh doanh/Lần thẩm định Đồng (Doanh nghiệp nộp phí và phí thẩm định trước khi nhận kết quả) | kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ |
| Trực tuyến | ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ và hợp lệ theo quy định | Phí : Theo Thông tư số 168/2016/TT-BTC ngày 26/10/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính Phí : 1.200.000đ/Điểm kinh doanh/Lần thẩm định Đồng (Doanh nghiệp nộp phí và phí thẩm định trước khi nhận kết quả) | Trực tuyến tại Cổng Dịch vụ công |
| Dịch vụ bưu chính | 15 Ngày làm việc | Phí : 1.200.000đ/Điểm kinh doanh/Lần thẩm định Đồng (Doanh nghiệp nộp phí và phí thẩm định trước khi nhận kết quả) Phí : Theo Thông tư số 168/2016/TT-BTC ngày 26/10/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính | kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ |
| Dịch vụ bưu chính | ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ và hợp lệ theo quy định | Phí : 1.200.000đ/Điểm kinh doanh/Lần thẩm định Đồng (Doanh nghiệp nộp phí và phí thẩm định trước khi nhận kết quả) Phí : Theo Thông tư số 168/2016/TT-BTC ngày 26/10/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính | Nộp hồ sơ qua hệ thống bưu chính đến Bộ phận Một cửa thuộc Ban Quản lý các khu công nghiệp và chế xuất Hà Nội |

**Thành phần hồ sơ:**

| Tên giấy tờ | Mẫu đơn, tờ khai | Số lượng |
| --- | --- | --- |
| a) Văn bản đề nghị cấp lại; Phụ lục 52 theo mẫu (Kèm theo Thông tư số 57/2018/TT-BCT ngày 26 tháng 12 năm 2018 của Bộ Công Thương) | PHỤ LỤC 52.docx | Bản chính: 1  Bản sao: 0 |
| b) Bản sao Giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá đã được cấp (nếu có). |  | Bản chính: 0  Bản sao: 1 |
| Hồ sơ, thẩm quyền, trình tự, thủ tục cấp lại đối với quy định tại khoản này áp dụng như quy định đối với trường hợp cấp mới. |  | Bản chính: 1  Bản sao: 1 |

**Đối tượng thực hiện:** Doanh nghiệp

**Cơ quan thực hiện:** Ủy ban nhân dân cấp xã

Cơ quan có thẩm quyền: Ủy ban nhân dân cấp xã

**Địa chỉ tiếp nhận HS:** Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả giải quyết TTHC của UBND cấp xã

**Cơ quan được ủy quyền:** Không có thông tin

**Cơ quan phối hợp:** Không có thông tin

**Kết quả thực hiện:** Giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá (cấp lại)

**Căn cứ pháp lý:**

| Số ký hiệu | Trích yếu | Ngày ban hành | Cơ quan ban hành |
| --- | --- | --- | --- |
| 09/2012/QH13 | Luật 09/2012/QH13 | 18-06-2012 | Quốc Hội |
| 67/2013/NĐ-CP | Quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Phòng, chống tác hại của thuốc lá về kinh doanh thuốc lá | 27-06-2013 | Chính phủ |
| 21/2013/TT-BCT | Quy định chi tiết một số điều của Nghị định số 67/2013/NĐ-CP ngày 27 tháng 6 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Phòng, chống tác hại của thuốc lá về kinh doanh thuốc lá | 25-09-2013 | Bộ Công thương |
| 08/2018/NĐ-CP | Sửa đổi một số Nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Công Thương | 15-01-2018 | Chính phủ |
| 106/2017/NĐ-CP | sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 67/2013/NĐ-CP ngày 27 tháng 6 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Phòng, chống tác hại của thuốc lá về kinh doanh thuốc lá | 14-09-2017 | Chính phủ |
| 57/2018/TT-BCT | Thông tư 57/2018/TT-BCT | 28-12-2018 | Bộ Công thương |
| 17/2020/NĐ-CP | Nghị định 17/2020/NĐ-CP | 05-02-2020 |  |
| 28/2019/TT-BCT | Thông tư 28/2019/TT-BCT | 15-11-2019 |  |

**Yêu cầu, điều kiện thực hiện:**

a) Thương nhân được thành lập theo quy định của pháp luật; b) Địa điểm kinh doanh không vi phạm quy định về địa điểm không được bán thuốc lá theo quy định tại Khoản 2 Điều 25 (Bán thuốc lá) Luật Phòng, chống tác hại của thuốc lá năm 2012 ; c) Có văn bản giới thiệu của các thương nhân phân phối hoặc thương nhân bán buôn sản phẩm thuốc lá ghi rõ địa bàn dự kiến kinh doanh;

**Từ khóa:** Không có thông tin

**Mô tả:** Không có thông tin

**PHỤ LỤC 52**

*(Kèm theo Thông tư số 57/2018/TT-BCT ngày 26 tháng 12 năm 2018*

*của Bộ Công Thương)*

|  |  |
| --- | --- |
| **TÊN THƯƠNG NHÂN -------** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc  ---------------** |
| Số:      /... | *............., ngày...... tháng....... năm 20.........* |

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP LẠI**

**Giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá**

*(trong trường hợp bị mất, bị tiêu hủy toàn bộ hoặc một phần, bị rách,*

*nát hoặc bị cháy)*

Kính gửi: PHÒNG CÔNG THƯƠNG (1)

1. Tên thương nhân: .......................:

2. Địa chỉ trụ sở chính: ......................;

3. Điện thoại:......................... Fax:...............;

4. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (hoặc Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh...) số ........... do............................. cấp đăng ký lần đầu ngày........ tháng.........năm.......,đăng ký thay đổi lần thứ.....ngày .......... tháng......... năm......;

5. Chi nhánh, văn phòng đại diện:

- Tên: ...................................;

- Địa chỉ: ...........................;

- Điện thoại:......................... Fax:...............;

6. Đã được Phòng Công Thương (1)........... cấp Giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá số..........ngày..... tháng.....năm.....cho.... ........

7. Đã được Phòng Công Thương (1).......cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá số..........ngày..... tháng.....năm.....cho.... .......(nếu có).

8....(*ghi rõ tên thương nhân*)...kính đề nghị Phòng Công Thương (1).......

xem xét cấp lại Giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá, với lý do .... .........(2)...........

......(*ghi rõ tên thương nhân*)......... xin cam đoan thực hiện đúng các quy định tại Nghị định số 67/2013/NĐ-CP ngày 27 tháng 6 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Phòng, chống tác hại của thuốc lá về kinh doanh thuốc lá; Nghị định số 106/2017/NĐ- CP ngày 14 tháng 9 năm 2017 sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định số 67/2013/NĐ-CP và Nghị định số 08/2018/NĐ-CP ngày 15 tháng 01 năm 2018 sửa đổi một số Nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc phạm vi quản lý Nhà nước của Bộ Công Thương, Nghị định số 17/2020/NĐ-CP ngày 05 tháng 02 năm 2020 sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuốc lĩnh vực quản lý Nhà nước của Bộ Công Thương, Thông tư số 57/2018/TT-BCT ngày 26 tháng 12 năm 2018 của Bộ Công Thương quy định chi tiết một số điều của các Nghị định liên quan đến kinh doanh thuốc lá, Thông tư số 28/2019/TT-BCT ngày 15 tháng 11 năm 2019sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 57/2018/TT-BCT ngày 26 tháng 12 năm 2018 của Bộ Công Thương quy định chi tiết một số điều của các Nghị định liên quan đến kinh doanh thuốc lá. Nếu sai...**(4)** xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật. Doanh nghiệp xin cam đoan những nội dung kê khai trên là đúng và xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật./.

|  |  |
| --- | --- |
|  | **Người đại diện theo pháp luật của thương nhân** (họ và tên, ký tên, đóng dấu) |

Chú thích:

(1): Phòng Công Thương hoặc đơn vị được cấp thẩm quyền giao (ví dụ: Phòng Kinh tế,…)

(2): Ghi rõ lý do xin cấp lại.

**7. Thủ tục Cấp Giấy phép sản xuất rượu thủ công nhằm mục đích kinh doanh**

**Mã thủ tục:** 2.000633.000.00.00.H26

**Số quyết định:** 2804

**Tên thủ tục:** Cấp Giấy phép sản xuất rượu thủ công nhằm mục đích kinh doanh

**Cấp thực hiện:** Cấp Xã

**Loại thủ tục:** TTHC không được luật giao cho địa phương quy định hoặc quy định chi tiết

**Lĩnh vực:** Lưu thông hàng hóa trong nước

**Trình tự thực hiện:**

Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, UBND cấp xã xem xét, thẩm định và cấp Giấy phép sản xuất rượu thủ công nhằm mục đích kinh doanh. Trường hợp từ chối cấp phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do;  
  
Trường hợp chưa đủ hồ sơ hợp lệ, trong vòng 03 ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ, UBND cấp xã có văn bản yêu cầu bổ sung.  
  
Tổ chức, cá nhân sản xuất rượu thủ công nhằm mục đích kinh doanh nộp 01 bộ hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép sản xuất rượu thủ công nhằm mục đích kinh doanh trực tiếp hoặc qua đường bưu điện hoặc trực tuyến (nếu đủ điều kiện áp dụng) Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả giải quyết TTHC của UBND cấp xã

**Cách thức thực hiện:**

| Hình thức nộp | Thời hạn giải quyết | Phí, lệ phí | Mô tả |
| --- | --- | --- | --- |
| Trực tiếp | 10 Ngày làm việc | Phí : Theo Thông tư số 299/2016/TT-BTC ngày 15/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính; Thông tư số 22/2018/TT-BTC ngày 22/02/2018 của Bộ trưởng Bộ Tài chính | kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ |
| Trực tuyến | 10 Ngày làm việc | Phí : Theo Thông tư số 299/2016/TT-BTC ngày 15/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính; Thông tư số 22/2018/TT-BTC ngày 22/02/2018 của Bộ trưởng Bộ Tài chính | kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ |
| Dịch vụ bưu chính | 10 Ngày làm việc | Phí : Theo Thông tư số 299/2016/TT-BTC ngày 15/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính; Thông tư số 22/2018/TT-BTC ngày 22/02/2018 của Bộ trưởng Bộ Tài chính | kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ |

**Thành phần hồ sơ:**

| Tên giấy tờ | Mẫu đơn, tờ khai | Số lượng |
| --- | --- | --- |
| + Đơn đề nghị cấp Giấy phép sản xuất rượu thủ công nhằm mục đích kinh doanh theo Mẫu số 01 ban hành kèm theo Nghị định số 17/2020/NĐ-CP. | Mẫu số 01.docx | Bản chính: 1  Bản sao: 0 |
| + Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã hoặc hộ kinh doanh. |  | Bản chính: 0  Bản sao: 1 |
| + Bản sao Bản công bố sản phẩm rượu hoặc bản sao Giấy tiếp nhận bản công bố hợp quy hoặc Giấy xác nhận công bố phù hợp quy định an toàn thực phẩm (đối với rượu chưa có quy chuẩn kỹ thuật); bản sao Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm, trừ trường hợp đối với cơ sở thuộc loại kinh doanh thực phẩm nhỏ lẻ theo quy định của pháp luật về an toàn thực phẩm. |  | Bản chính: 0  Bản sao: 1 |
| + Bản liệt kê tên hàng hóa rượu kèm theo bản sao nhãn hàng hóa rượu mà tổ chức, cá nhân sản xuất hoặc dự kiến sản xuất. |  | Bản chính: 1  Bản sao: 1 |

**Đối tượng thực hiện:** Doanh nghiệp, Hợp tác xã

**Cơ quan thực hiện:** Ủy ban nhân dân cấp xã

**Cơ quan có thẩm quyền:** Ủy ban nhân dân cấp xã

**Địa chỉ tiếp nhận HS:** Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả giải quyết TTHC của UBND cấp xã

**Cơ quan được ủy quyền:** Không có thông tin

**Cơ quan phối hợp:** Không có thông tin

**Kết quả thực hiện:** Cấp Cấp Giấy phép sản xuất rượu thủ công nhằm mục đích kinh doanh

**Căn cứ pháp lý:**

| Số ký hiệu | Trích yếu | Ngày ban hành | Cơ quan ban hành |
| --- | --- | --- | --- |
| Nghị định 105/2017/NĐ-CP | Về kinh doanh rượu | 14-09-2017 | Chính phủ |
| 17/2020/NĐ-CP | Nghị định 17/2020/NĐ-CP | 05-02-2020 |  |
| 24/2020/NĐ-CP | Nghị định 24/2020/NĐ-CP | 24-02-2020 |  |

**Yêu cầu, điều kiện thực hiện:**

Doanh nghiệp, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã hoặc hộ kinh doanh được thành lập theo quy định của pháp luật. - Bảo đảm điều kiện về an toàn thực phẩm theo quy định của pháp luật.

**Từ khóa:** Không có thông tin

**Mô tả:** Không có thông tin

**Mẫu số 01**

|  |  |
| --- | --- |
| **TÊN THƯƠNG NHÂN -------** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc  ---------------** |
| Số: …../….. | *….., ngày ….. tháng ….. năm ……* |

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP**

…………………..(1)……………………

Kính gửi: …………………….(2)………………………………………………………….

Tên thương nhân: …………………………………………………………………………………………….

Địa chỉ trụ sở chính:……………………………….. Điện thoại:………………. Fax: …………………………………………………………………………………………….

Địa điểm sản xuất/kinh doanh: …………………………………………………………………………………………….

Điện thoại:………………………………………….. Fax: ……………………………….

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (hoặc giấy tờ có giá trị pháp lý tương đương)/Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã/Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh số…………………………. do………………………. cấp ngày……. tháng……. năm……….

Đề nghị …………(2)………… xem xét cấp Giấy phép ……………(1)…………., cụ thể là:

(Tùy thuộc vào từng loại hình kinh doanh rượu, thương nhân thực hiện theo một trong các đề nghị dưới đây):

**Được phép sản xuất rượu như sau:**

Sản xuất các loại rượu: ……………………(3)………………………………………………

Quy mô sản xuất sản phẩm rượu: …………………….(4)…………………………………..

**Được phép tổ chức phân phối rượu như sau:**

Được phép mua các loại rượu của thương nhân sản xuất rượu, thương nhân phân phối rượu, nhà cung cấp rượu nước ngoài sau: ……………………….(5)……………………………………………………………………

Được phép tổ chức hệ thống phân phối rượu tại các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương sau:………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………...

Được phép bán lẻ rượu, tại các địa điểm sau: …………………………………………………………………………………………….

**Được phép tổ chức bán buôn rượu như sau:**

Được phép mua các loại rượu của thương nhân sản xuất rượu, thương nhân phân phối rượu, thương nhân bán buôn rượu sau:

…………………………………………….(5)………………………………………………

………………………………………………………………………………………………

Được phép tổ chức hệ thống bán buôn rượu tại tỉnh, thành phố: ………………………………………………………………………………………………

………………………………………………………………………………………………

Được phép bán lẻ rượu tại các địa điểm: ………………………………………………………………………………………………

………………………………………………………………………………………………

**Được phép tổ chức bán lẻ rượu như sau:**

Được phép mua các loại rượu của thương nhân sản xuất rượu, thương nhân phân phối rượu, thương nhân bán buôn rượu sau:

……………………………………………..(5)……………………………………………………………………………………………………………………………………………….

……………………………………………………………………………………………….

Được phép bán lẻ rượu tại các địa điểm: ……………………………………………………………………………………………….

……………(6)…………………….. xin cam đoan thực hiện đúng các quy định tại Nghị định số [105/2017/NĐ-CP](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/thuong-mai/nghi-dinh-105-2017-nd-cp-san-xuat-kinh-doanh-ruou-319361.aspx) ngày 14 tháng 9 năm 2017 của Chính phủ về kinh doanh rượu, Nghị định số ..../2020/NĐ-CP ngày...tháng.... năm 2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung các Nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Công Thương và những quy định của pháp luật có liên quan. Nếu sai, xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật./.

|  |  |
| --- | --- |
|  | **NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT** *(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu(nếu có))* |

***Chú thích:***

(1): Loại giấy phép: Sản xuất rượu công nghiệp/sản xuất rượu thủ công nhằm mục đích kinh doanh/phân phối rượu/bán buôn rượu/bán lẻ rượu

(2): Cơ quan cấp phép: Bộ Công Thương/Sở Công Thương/Phòng Kinh tế hoặc Phòng Kinh tế và Hạ tầng.

(3): Ghi cụ thể từng loại sản phẩm rượu như: Rượu vang, rượu vodka, rượu trái cây...

(4): Ghi công suất thiết kế; đối với sản xuất rượu thủ công thì ghi sản lượng dự kiến sản xuất (lít/năm).

(5): Ghi rõ tên, địa chỉ.

(6): Tên thương nhân xin cấp giấy phép.

**8. Thủ tục Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép sản xuất rượu thủ công nhằm mục đích kinh doanh**

**Mã thủ tục:** 2.000629.000.00.00.H26

**Số quyết định:** 2804

**Tên thủ tục:** Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép sản xuất rượu thủ công nhằm mục đích kinh doanh

**Cấp thực hiện:** Cấp Xã

**Loại thủ tục:** TTHC không được luật giao cho địa phương quy định hoặc quy định chi tiết

**Lĩnh vực:** Lưu thông hàng hóa trong nước

**Trình tự thực hiện:**

Trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, cơ quan có thẩm quyền xem xét và cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép sản xuất rượu thủ công nhằm mục đích kinh doanh.Trường hợp từ chối cấp phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.  
  
Trường hợp chưa đủ hồ sơ hợp lệ, trong vòng 03 ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ, UBND cấp xã có văn bản yêu cầu bổ sung.  
  
Tổ chức, cá nhân sản xuất rượu thủ công nhằm mục đích kinh doanh nộp 01 bộ hồ sơ đề nghị cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép sản xuất rượu thủ công nhằm mục đích kinh doanh cho Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính UBND cấp xã

**Cách thức thực hiện:**

| Hình thức nộp | Thời hạn giải quyết | Phí, lệ phí | Mô tả |
| --- | --- | --- | --- |
| Trực tiếp | 7 Ngày làm việc | Phí : Theo Thông tư số 299/2016/TT-BTC ngày 15/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính; Thông tư số 22/2018/TT-BTC ngày 22/02/2018 của Bộ trưởng Bộ Tài chính | kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ |
| Trực tuyến | 7 Ngày làm việc | Phí : Theo Thông tư số 299/2016/TT-BTC ngày 15/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính; Thông tư số 22/2018/TT-BTC ngày 22/02/2018 của Bộ trưởng Bộ Tài chính | kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ |
| Dịch vụ bưu chính | 7 Ngày làm việc | Phí : Theo Thông tư số 299/2016/TT-BTC ngày 15/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính; Thông tư số 22/2018/TT-BTC ngày 22/02/2018 của Bộ trưởng Bộ Tài chính | kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ |

**Thành phần hồ sơ:**

| Tên giấy tờ | Mẫu đơn, tờ khai | Số lượng |
| --- | --- | --- |
| - Đơn đề nghị cấp sửa đổi, bổ sung theo Mẫu số 02 ban hành kèm theo Nghị định số 17/2020/NĐ-CP; | MẪU SỐ 02 RƯỢU.docx | Bản chính: 1  Bản sao: 0 |
| - Bản sao giấy phép đã được cấp; |  | Bản chính: 0  Bản sao: 1 |
| - Các tài liệu chứng minh nhu cầu sửa đổi, bổ sung. |  | Bản chính: 1  Bản sao: 1 |

**Đối tượng thực hiện:** Doanh nghiệp

**Cơ quan thực hiện:** Ủy ban nhân dân cấp xã

**Cơ quan có thẩm quyền:** Ủy ban nhân dân cấp xã

**Địa chỉ tiếp nhận HS:** Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả giải quyết TTHC của UBND cấp xã

**Cơ quan được ủy quyền:** Không có thông tin

**Cơ quan phối hợp:** Không có thông tin

**Kết quả thực hiện:** Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép sản xuất rượu thủ công nhằm mục đích kinh doanh

**Căn cứ pháp lý:**

| Số ký hiệu | Trích yếu | Ngày ban hành | Cơ quan ban hành |
| --- | --- | --- | --- |
| Nghị định 105/2017/NĐ-CP | Về kinh doanh rượu | 14-09-2017 | Chính phủ |
| 17/2020/NĐ-CP | Nghị định 17/2020/NĐ-CP | 05-02-2020 |  |
| 24/2020/NĐ-CP | Nghị định 24/2020/NĐ-CP | 24-02-2020 |  |

**Yêu cầu, điều kiện thực hiện:**

Doanh nghiệp, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã hoặc hộ kinh doanh được thành lập theo quy định của pháp luật. - Bảo đảm điều kiện về an toàn thực phẩm theo quy định của pháp luật.

**Từ khóa:** Không có thông tin

**Mô tả:** Không có thông tin

**Mẫu số 02**

|  |  |
| --- | --- |
| **TÊN THƯƠNG NHÂN -------** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc  ---------------** |
| Số:     / | *….., ngày ….. tháng ….. năm ……* |

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ**

**Cấp sửa đổi, bổ sung giấy phép ... (1)...**

Kính gửi: …………(2)……………

Tên thương nhân: ………………………………………………………………………………………….

Địa chỉ trụ sở chính:…………………………….. Điện thoại:………………… Fax: …………………..

Địa điểm sản xuất/kinh doanh: ……………………………………………………………………………

Điện thoại: ……………………………………………..Fax: ……………………………………………..

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (hoặc giấy tờ có giá trị pháp lý tương đương)/Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã/Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh số………………………do…………………… cấp ngày …………………….tháng…… năm……….;

Giấy phép …..(1)…… đã được cấp số......... do…… cấp ngày ... tháng ... năm ...

Giấy phép ……….(1)………. đã được cấp sửa đổi, bổ sung/cấp lại (nếu có) số ........do…….. cấp ngày………. tháng……… năm ………..

………(3)……… đề nghị ……..(2)….....xem xét cấp sửa đổi (hoặc bổ sung) Giấy phép…....(1)……, với lý do cụ thể như sau:

1. Sửa đổi:

Thông tin cũ: ……………………………………………………………………………………………….

Thông tin mới: ……………….(4) ..………………………………………………………………………..

2. Bổ sung: …………………(4)………………………………………

………(3)……….. xin cam đoan lý do trên hoàn toàn xác thực và thực hiện đúng các quy định tại Nghị định số [105/2017/NĐ-CP](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/thuong-mai/nghi-dinh-105-2017-nd-cp-san-xuat-kinh-doanh-ruou-319361.aspx) ngày 14 tháng 9 năm 2017 của Chính phủ về kinh doanh rượu, Nghị định số ..../2020/NĐ-CP ngày...tháng.... năm 2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Công Thương và những quy định của pháp luật có liên quan. Nếu sai, xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật./.

|  |  |
| --- | --- |
|  | **NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT** *(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu(nếu có))* |

***Chú thích:***

(1): Loại giấy phép: Sản xuất rượu công nghiệp/sản xuất rượu thủ công nhằm mục đích kinh doanh/phân phối rượu/bán buôn rượu/bán lẻ rượu.

(2): Cơ quan cấp phép: Bộ Công Thương/Sở Công Thương/Phòng Kinh tế hoặc Phòng Kinh tế và Hạ tầng.

(3): Tên thương nhân xin cấp giấy phép.

(4): Nội dung sửa đổi, bổ sung.

**9. Thủ tục Cấp lại Giấy phép sản xuất rượu thủ công nhằm mục đích kinh doanh**

**Mã thủ tục:** 1.001279.000.00.00.H26

**Số quyết định:** 2804

**Tên thủ tục:** Cấp lại Giấy phép sản xuất rượu thủ công nhằm mục đích kinh doanh

**Cấp thực hiện:** Cấp Xã

**Loại thủ tục:** TTHC không được luật giao cho địa phương quy định hoặc quy định chi tiết

**Lĩnh vực:** Lưu thông hàng hóa trong nước

**Trình tự thực hiện:**

Thương nhân phải nộp hồ sơ đề nghị cấp lại giấy phép trước thời hạn hết hiệu lực của giấy phép 30 ngày. Hồ sơ, thẩm quyền, thủ tục cấp lại áp dụng như quy định đối với trường hợp cấp mới.  
  
Thời hạn của giấy phép sẽ được giữ nguyên như cũ.  
  
Trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, cơ quan có thẩm quyền xem xét và cấp lại Giấy phép sản xuất rượu thủ công nhằm mục đích kinh doanh. Trường hợp từ chối cấp, phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.  
  
Trường hợp chưa đủ hồ sơ hợp lệ, trong vòng 03 ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ, UBND cấp xã có văn bản yêu cầu bổ sung.  
  
UBND cấp xã căn cứ vào hồ sơ đã lưu và hồ sơ đề nghị cấp lại của thương nhân để cấp lại giấy phép.  
  
Tổ chức, cá nhân sản xuất rượu thủ công nhằm mục đích kinh doanh nộp 01 bộ hồ sơ đề nghị cấp lại Giấy phép sản xuất rượu thủ công nhằm mục đích kinh doanh cho Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính UBND cấp xã

**Cách thức thực hiện:**

| Hình thức nộp | Thời hạn giải quyết | Phí, lệ phí | Mô tả |
| --- | --- | --- | --- |
| Trực tiếp | 10 Ngày làm việc | Phí : Theo Thông tư số 299/2016/TT-BTC ngày 15/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính; Thông tư số 22/2018/TT-BTC ngày 22/02/2018 của Bộ trưởng Bộ Tài chính Phí : Theo Thông tư số 299/2016/TT-BTC ngày 15/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính; Thông tư số 22/2018/TT-BTC ngày 22/02/2018 của Bộ trưởng Bộ Tài chính | kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ (cấp lại do hết hiệu lực giấy phép cũ) |
| Trực tiếp | 07 Ngày làm việc | Phí : Theo Thông tư số 299/2016/TT-BTC ngày 15/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính; Thông tư số 22/2018/TT-BTC ngày 22/02/2018 của Bộ trưởng Bộ Tài chính Phí : Theo Thông tư số 299/2016/TT-BTC ngày 15/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính; Thông tư số 22/2018/TT-BTC ngày 22/02/2018 của Bộ trưởng Bộ Tài chính | kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ (trường hợp cấp lại do bị mất, bị hỏng) |
| Trực tuyến | 10 Ngày làm việc | Phí : Theo Thông tư số 299/2016/TT-BTC ngày 15/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính; Thông tư số 22/2018/TT-BTC ngày 22/02/2018 của Bộ trưởng Bộ Tài chính Phí : Theo Thông tư số 299/2016/TT-BTC ngày 15/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính; Thông tư số 22/2018/TT-BTC ngày 22/02/2018 của Bộ trưởng Bộ Tài chính | kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ (cấp lại do hết hiệu lực giấy phép cũ) |
| Trực tuyến | 07 Ngày làm việc | Phí : Theo Thông tư số 299/2016/TT-BTC ngày 15/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính; Thông tư số 22/2018/TT-BTC ngày 22/02/2018 của Bộ trưởng Bộ Tài chính Phí : Theo Thông tư số 299/2016/TT-BTC ngày 15/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính; Thông tư số 22/2018/TT-BTC ngày 22/02/2018 của Bộ trưởng Bộ Tài chính | kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ (trường hợp cấp lại do bị mất, bị hỏng) |
| Dịch vụ bưu chính | 10 Ngày làm việc | Phí : Theo Thông tư số 299/2016/TT-BTC ngày 15/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính; Thông tư số 22/2018/TT-BTC ngày 22/02/2018 của Bộ trưởng Bộ Tài chính Phí : Theo Thông tư số 299/2016/TT-BTC ngày 15/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính; Thông tư số 22/2018/TT-BTC ngày 22/02/2018 của Bộ trưởng Bộ Tài chính | kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ (cấp lại do hết hiệu lực giấy phép cũ) |
| Dịch vụ bưu chính | 07 Ngày làm việc | Phí : Theo Thông tư số 299/2016/TT-BTC ngày 15/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính; Thông tư số 22/2018/TT-BTC ngày 22/02/2018 của Bộ trưởng Bộ Tài chính Phí : Theo Thông tư số 299/2016/TT-BTC ngày 15/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính; Thông tư số 22/2018/TT-BTC ngày 22/02/2018 của Bộ trưởng Bộ Tài chính | kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ (trường hợp cấp lại do bị mất, bị hỏng) |

**Thành phần hồ sơ:**

| Tên giấy tờ | Mẫu đơn, tờ khai | Số lượng |
| --- | --- | --- |
| Hồ sơ cấp lại đối với trường hợp này áp dụng như quy định đối với trường hợp cấp mới |  | Bản chính: 1  Bản sao: 1 |
| Đơn đề nghị cấp lại theo Mẫu số 03 ban hành tại Nghị định 17/2020/NĐ-CP và bản gốc hoặc bản sao giấy phép đã cấp (nếu có); | MẪU SỐ 03 RƯỢU.docx | Bản chính: 1  Bản sao: 1 |

**Đối tượng thực hiện:** Doanh nghiệp

**Cơ quan thực hiện:** Ủy ban nhân dân cấp xã

**Cơ quan có thẩm quyền:** Ủy ban nhân dân cấp xã

**Địa chỉ tiếp nhận HS:** Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả giải quyết TTHC của UBND cấp xã

**Cơ quan được ủy quyền:** Không có thông tin

**Cơ quan phối hợp:** Không có thông tin

**Kết quả thực hiện:** Cấp lại Giấy phép sản xuất rượu thủ công nhằm mục đích kinh doanh

**Căn cứ pháp lý:**

| Số ký hiệu | Trích yếu | Ngày ban hành | Cơ quan ban hành |
| --- | --- | --- | --- |
| Nghị định 105/2017/NĐ-CP | Về kinh doanh rượu | 14-09-2017 | Chính phủ |
| 17/2020/NĐ-CP | Nghị định 17/2020/NĐ-CP | 05-02-2020 |  |
| 24/2020/NĐ-CP | Nghị định 24/2020/NĐ-CP | 24-02-2020 |  |

**Yêu cầu, điều kiện thực hiện:**

Doanh nghiệp, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã hoặc hộ kinh doanh được thành lập theo quy định của pháp luật. - Bảo đảm điều kiện về an toàn thực phẩm theo quy định của pháp luật.

**Từ khóa:** Không có thông tin

**Mô tả:** Không có thông tin

**Mẫu số 03**

|  |  |
| --- | --- |
| **TÊN THƯƠNG NHÂN -------** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc  ---------------** |
| Số:       / | *….., ngày ….. tháng ….. năm ……* |

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ**

**Cấp lại giấy phép ……..(1)……….**

***(Trong trường hợp giấy phép bị mất, bị hỏng)***

Kính gửi: …………(2)………………………………………………………………………

Tên thương nhân: ………………………………………………………………………………………………

Địa chỉ trụ sở chính:…………………….……………. Điện thoại:……………. Fax: ………………………………………………………………………………………………

Địa điểm sản xuất/kinh doanh:…………………… Điện thoại:……………….. Fax: ………………………………………………………………………………………………

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (hoặc giấy tờ có giá trị pháp lý tương đương)/Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã/Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh số………… do……… cấp ngày... tháng... năm.........................................................;

Giấy phép ……..(1)……... đã được cấp số.... do ... cấp ngày ... tháng... năm .......................

Giấy phép...(1)....đã được cấp sửa đổi, bổ sung/cấp lại (nếu có) số …………… do………. cấp ngày…… tháng……. năm ……………………………………………………………..

…………(3)………… đề nghị ……….(2)……….... xem xét cấp lại Giấy phép ……….….(1) ………, với lý do cụ thể như sau: ………………………………………………….…….(4)..

………(3)…………..xin cam đoan lý do trình bày trên hoàn toàn xác thực và thực hiện đúng các quy định tại Nghị định số [105/2017/NĐ-CP](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/thuong-mai/nghi-dinh-105-2017-nd-cp-san-xuat-kinh-doanh-ruou-319361.aspx) ngày 14 tháng 9 năm 2017 của Chính phủ về kinh doanh rượu, Nghị định số ..../2020/NĐ-CP ngày ... tháng .... năm 2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Công Thương và những quy định của pháp luật có liên quan. Nếu sai, xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật./

|  |  |
| --- | --- |
|  | **NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT** *(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu(nếu có))* |

***Chú thích:***

(1): Loại giấy phép: Sản xuất rượu công nghiệp/sản xuất rượu thủ công nhằm mục đích kinh doanh/phân phối rượu/bán buôn rượu/bán lẻ rượu.

(2): Cơ quan cấp phép: Bộ Công Thương/Sở Công Thương/Phòng Kinh tế hoặc Phòng Kinh tế và Hạ tầng.

(3): Tên thương nhân xin cấp giấy phép.

(4): Lý do xin cấp lại.